TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2020/HC-PT
Ngày: 24/7/2020
V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

***Thư ký phiên tòa**:* Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội**:* Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 331/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc "*khiếu kiện hành vi hành chính*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5089/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị S, sinh năm 1934 và chị Trần Thị N, sinh năm 1971; Đều cùng địa chỉ: Số nhà 61, tổ 6, đường X, thành phố P, tỉnh H; bà S và chị N có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh H; Địa chỉ: đường B, phường L, thành phố P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh C - Chủ tịch UBND thành phố P.

Đại diện theo ủy quyền là ông Trương Quốc B - Phó chủ tịch UBND thành phố P (Giấy ủy quyền số 714 ngày 15/7/2020); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện trình bày như sau: Ngày 30/9/2018, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N có đơn khiếu nại gửi ông Nguyễn Anh C là Chủ tịch UBND thành phố P, với nội dung không nhất trí với Thông báo số 293/TB-UBND ngày 23/5/2017 của UBND thành phố P về việc Thông báo kết quả giải quyết kiến nghị; hết thời hạn giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố P không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ngày 05/11/2018 bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh H buộc Chủ tịch UBND thành phố P phải trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 30/9/2018 của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N theo quy định của pháp luật.

Theo trình bày của người bị kiện: Việc khiếu nại của bà Vũ Thị S đã được cấp có thẩm quyền giải quyết tại các văn bản: Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S; Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S; Thông báo số 124/TB-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh H về việc chấm dứt thụ lý, giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S. Ngày 08/4/2017 và ngày 20/4/2017 bà S và chị N tiếp tục làm đơn đề nghị và khiếu nại, UBND thành phố P không thụ lý giải quyết nội dung đơn đề nghị, khiếu nại nữa mà ban hành Thông báo số 293/TB-UBND ngày 23/5/2017 gửi cho hộ bà S được biết. Nay bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N khởi kiện buộc Chủ tịch UBND thành phố P phải trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 30/9/2018 là không có căn cứ; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà S và chị N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HCST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 6, khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 12 và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N buộc Chủ tịch UBND thành phố P, ông Nguyễn Anh C trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 30/9/2018 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2019, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Sự và chị Trần Thị N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 30/9/2018, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh H nhưng không được giải quyết. Ngày 05/11/2018, bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N làm đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P giải quyết khiếu nại của bà S, chị N; khiếu kiện của bà S và chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết đúng theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Tại Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P và Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N thì các quyết định này không thừa nhận việc bà Vũ Thị S đòi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà với diện tích 113,9m^2, chỉ công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà với diện tích 94m^2; giao UBND thành phố P thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà S…. và ngày 18/11/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Thông báo số 124/TB-UBND về việc chấm dứt thụ lý, giải quyết khiếu nại của bà S.

[3]. Ngày 08/4/2017, bà S và chị N tiếp tục làm đơn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xem xét khảo sát đo đạc toàn bộ thửa đất phi nông nghiệp thực tế hộ bà S đang sử dụng để làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ngày 20/4/2017, bà S và chị N gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P yêu cầu xem xét giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 08/4/2017 nhưng chưa được giải quyết. Xét thấy nội dung khiếu nại đã

được cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết, đã có hiệu lực pháp luật và UBND tỉnh H đã ra thông báo chấm dứt việc thụ lý giải quyết khiếu nại của bà S nên ngày 23/5/2017, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 293/TB-UBND trả lời bà S, chị N việc khiếu nại, kiến nghị của bà không được tiếp tục xem xét giải quyết nữa là phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011.

[4]. Ngày 30/9/2018 bà S, chị N có đơn khiếu nại đối với Thông báo số 293/TB-UBND ngày 23/5/2017 của UBND thành phố P và UBND thành phố P không giải quyết đơn khiếu nại này. Tại phiên tòa và tại bản tự khai ngày 12/3/2019 của bà S và chị N thì bà S và chị N đều khẳng định ngày 14/10/2017 đã nhận được Thông báo số 293/TB-UBND qua dịch vụ bưu chính. Như vậy, tính từ ngày nhận được Thông báo số 293/TB-UBND đến ngày bà S, chị N làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thành phố P đã quá thời hiệu khiếu nại là 90 ngày theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011; hết thời hiệu khiếu nại bà S, chị N không có quyền khiếu nại. Như vậy, với nội dung khiếu nại đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết và thời hiệu khiếu nại đã hết nên Chủ tịch UBND thành phố P không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại ngày 30/9/2018 của bà S và chị N là đúng với quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N không có căn cứ chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà S và chị N là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà S và chị N.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị S, chị Trần Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HCST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 6, khoản 7 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị S và chị Trần Thị N buộc Chủ tịch UBND thành phố P trả lời giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 30/9/2018 theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí hành chính phúc thẩm được đối trừ số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai số 0004069 ngày 03/9/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND CC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình